



PETROLIMEX

V/v: Giải trình KQKD quý IV/2014

Hà Nội ngày 12 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ban hành ngày 5/4/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu xin giải trình nguyên nhân biến động kết quả hoạt động kinh doanh giữa quý IV/2014 so với quý IV/2013 như sau:

I. Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Quý IV		So sánh	
	Năm nay	Năm trước	Số tuyệt đối	Tăng/giảm
1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	7,061,965,418	13,018,354,967	-5,956,389,549	-46%
Giá vốn hàng bán	6,242,063,444	11,659,707,104	-5,417,643,660	-46%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	819,901,974	1,358,647,863	-538,745,889	-40%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,067,422,603	1,819,549,231	-752,126,628	-41%
Chi phí tài chính	26,864,400	-233,725,200	260,589,600	111%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0	0	0	
Chi phí bán hàng	112,211,286	-89,720,854	201,932,140	225%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,962,597,752	2,520,875,666	-558,277,914	-22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-214,348,861	980,767,482	-1,195,116,343	122%
Thu nhập khác	8,261,200	150,000,086	-141,738,886	-94%
Chi phí khác	14,280,623	2,500,000	11,780,623	471%
Lợi nhuận khác	-6,019,423	147,500,086	-153,519,509	-104%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LD,LK	-65,868,828	3,284,322	-69,153,150	2106%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-286,237,112	1,131,551,890	-1,417,789,002	-125%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-51,882,668	137,172,355	-189,055,023	-138%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-234,354,444	994,379,535	-1,228,733,979	-124%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2014 giảm 1,228 triệu đồng, tương đương giảm 124 % so với quý 4/2013 do các nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng & kinh doanh DV quý 4/2014 giảm 538 triệu đồng, tương đương giảm 40%.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 752 triệu đồng, tương đương giảm 41 %.
- Chi phí tài chính tăng 260 triệu đồng, tương đương tăng 111%

- Chi phí bán hàng tăng 202 triệu đồng, tương đương tăng 225%. Chi phí quản lý DN giảm 558 triệu, tương đương giảm 22%.
- Lợi nhuận khác giảm 153 triệu đồng, tương đương giảm 104%.
- Phần lỗ trong công ty liên kết tăng 69 triệu đồng.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 189 triệu đồng, tương đương giảm 138%.

II. Báo cáo kết quả kinh doanh Công ty mẹ

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Quý IV		So sánh	
	Năm nay	Năm trước	Số tuyệt đối	Tăng/giảm
1	2	3	4	5
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	1,163,818,182	859,871,495	303,946,687	35%
Giá vốn hàng bán	700,027,225	415,333,333	284,693,892	69%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	463,790,957	444,538,162	19,252,795	4%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,051,358,096	1,762,753,356	-711,395,260	-40%
Chi phí tài chính	(3,135,600)	(233,725,200)	-230,589,600	-99%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	0	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,630,034,685	2,000,052,937	-370,018,252	-19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(111,750,032)	440,963,781	-552,713,813	-125%
Thu nhập khác	8,261,200	86	8,261,114	
Chi phí khác			0	
Lợi nhuận khác	8,261,200	86	8,261,114	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-103,488,832	440,963,867	-544,452,699	-123%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-51,874,454	132,400,587	-184,275,041	-139%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-51,614,378	308,563,280	-360,177,658	-117%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2014 giảm 360 triệu đồng, tương đương giảm 117% so với quý 4/2013 do các nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và kinh doanh dịch vụ quý 4/2014 tăng 19 triệu đồng, tương đương tăng 4%.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 711 triệu đồng, tương đương giảm 40 %.
- Chi phí tài chính giảm 230 triệu đồng, tương đương giảm 99 %. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 370 triệu, tương đương giảm 19%.
- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 184 triệu đồng, tương đương giảm 139%.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu VT, BTH

